TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 518/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 12 – 2024
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Ông Lê Thanh Hiện

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Dương Thị Thêu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 614/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 482/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th.H, xã K.B.T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Kim Tr, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K.C, xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/10/2024, anh Nguyễn Hoàng N trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Kim Tr chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Trong quá trình chung sống, anh và chị Tr luôn bất đồng quan

điểm, thường xuyên cải vả, không thể hòa hợp được với nhau. Trên thực tế anh và chị Tr không còn chung sống như vợ chồng khoảng 14 năm qua.

Từ nội dung trên, anh nhận thấy tình cảm của anh và chị Tr không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ, chồng được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được chấm dứt quan hệ vợ, chồng với chị Tr.

- Về con chung: Anh xác định giữa anh và chị Tr có 02 người con chung là Nguyễn Như H, sinh ngày 21/12/2009 và Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 06/9/2009, hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục được nuôi các con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh xác định giữa anh và chị Tr không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh khai nhận giữa anh và chị Tr không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với chị Bùi Kim Tr vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Về loại việc và thẩm quyền của Toà án: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Hoàng N và chị Bùi Kim Tr là "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt của chị Bùi Kim Tr: Mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên toà để xét xử vụ án, thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng chị Tr vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr theo luật định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của anh Nguyễn Hoàng Nam, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, anh Nguyễn Hoàng N và chị Bùi Kim Tr có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 2006 đến 2010. Theo anh N trình bày, giữa anh và chị Tr không đăng ký kết hôn, đồng thời xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì anh N và chị Tr không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh N và chị Tr đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay anh N có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, anh N và chị Tr luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và thường xuyên cải vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, anh N xác định tình cảm vợ, chồng giữa anh và chị Tr không còn nên anh, chị đã không còn chung sống vợ, chồng (tự ly thân) hơn 14 năm qua.

Theo tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của anh N và chị Tr đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Như H, sinh ngày 21/12/2009 và Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 06/9/2009, hiện chung sống với anh N nên tình cảm, tâm lý, sinh hoạt, học tập thường ngày của cháu đã ổn định, đồng thời nguyện vọng hai cháu muốn được tiếp tục sống với anh N. Vì vậy, cần tiếp tục giao các cháu cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh N không đặt ra yêu cầu nên không xem xét việc cấp dưỡng là có cơ sở.

[4] Về tài sản chung: Anh N xác định giữa anh và chị Tr không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh N khai nhận giữa anh và chị Tr không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh N là nguyên đơn nên anh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh N và chị Tr được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ Tr,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Hoàng N và chị Bùi Kim Tr.

2 - Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như H, sinh ngày 21/12/2009 và Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 06/9/2009 cho anh Nguyễn Hoàng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Bùi Kim Tr không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Anh N xác định không có nên không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Anh N khai nhận giữa anh và chị Tr không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Hoàng N phải chịu 300.000đ, ngày 14 tháng 10 năm 2024, anh N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: 5701 được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6 - Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hoàng N và chị Bùi Kim Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Minh Hải